

Số: **273**/BC-UBND

Đồng Hới, ngày **09** tháng **12** năm 2022

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2022 VÀ XÂY DỰNG**  
**DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023**

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức, tác động không thuận từ giá xăng dầu kéo theo giá nguyên liệu, hàng hoá tăng cao, nguồn nhân lực thiếu hụt cục bộ, thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường... đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nói chung và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 nói riêng trên địa bàn. Song với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, sự cố gắng, nỗ lực của các phòng, ban, đơn vị, xã phường và của cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp nhân dân, cùng với sự phối hợp của các cơ quan trong hệ thống chính trị đã tích cực thực hiện nhiều giải pháp tăng cường quản lý thu, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết... góp phần quan trọng trong khống chế, kiểm soát dịch bệnh, từng bước phục hồi và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, duy trì ổn định kinh tế.

Với những kết quả đã đạt được, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo kết quả ước tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2022. Cụ thể như sau:

**1. Nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước:**

Năm 2022, việc điều hành và thực thi hoạt động thu ngân sách nhà nước trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn do thiên tai lũ lụt và trải qua hơn hai năm dịch Covid-19.

Ngay từ đầu năm, thành phố đã tăng cường chỉ đạo thu ngân sách, chỉ đạo ngành Thuế tập trung, triển khai công tác hỗ trợ người nộp thuế nhanh chóng hồi phục sản xuất kinh doanh; đồng thời tăng cường quản lý thu ngân sách để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN năm 2022 đã được giao; triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý thuế, trong đó, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế và đẩy mạnh quản lý nợ đọng thuế. Bên cạnh việc tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế, ngành Thuế đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị,

địa phương liên quan triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm bảo đảm nguồn thu và số thu ngân sách.

Kết quả thu ngân sách nhà nước địa phương như sau:

Dự toán Tỉnh giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố là 1.818 tỷ đồng; Hội đồng nhân dân thành phố giao là: 1.822 tỷ đồng. Ước thực hiện: 3.341 tỷ đồng, đạt 183,7% dự toán tỉnh giao và đạt 183,3% dự toán thành phố giao tăng 66,2% so với cùng kỳ. (Có phụ lục số 01 kèm theo), cụ thể:

Trong tổng số 12 khoản thu cân đối ngân sách địa phương những khoản thu ước đạt như sau: Có 9/12 khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao. Cụ thể: Thu từ khu vực DNNN địa phương đạt 109%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 189%, Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 138%, thu tiền sử dụng đất đạt 202%, thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước đạt 104%, thu phí và lệ phí đạt 165%, thuế thu nhập cá nhân đạt 124%, thu khác đạt 143%, thu hồi vốn lợi nhuận sau thuế đạt 124%. Có 3/12 khoản thu ước không đạt dự toán giao đó là: Thuế CTN DV NQD đạt 97%, Lệ phí trước bạ ước đạt 85%, thu tại xã đạt 21% so với dự toán năm 2022.

Năm 2022, đối mặt những khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, du lịch... nhưng ngành thuế đã tập trung thực hiện tốt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp, người nộp thuế mà Chính phủ đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 8/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp quản lý thu ngay từ đầu năm, tập trung đánh giá kết quả thu, dự báo tiến độ thu ngân sách, đánh giá, phân tích cụ thể từng địa bàn, từng sắc thuế, rà soát, xác định chính xác những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu để kịp thời đề xuất các giải pháp về chính sách và quản lý thu hiệu quả.

Tuy công tác thu hồi nợ đọng thuế đã được triển khai quyết liệt nhưng đến ngày 31/10/2022 tổng nợ đọng thuế toàn thành phố là 38,6 tỷ đồng.

Nguyên nhân nợ đọng thuế là do các đơn vị nộp thuế gặp khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh, thu hồi công nợ, khả năng thanh toán thấp dẫn đến nợ thuế... bên cạnh đó là ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số doanh nghiệp, người nộp thuế chưa cao, còn chây ì, chiếm dụng tiền thuế. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong thu hồi và cưỡng chế nợ thuế còn hạn chế, hiệu quả chưa cao. Ngoài ra cũng thấy được nguyên nhân khách quan của việc nợ đọng thuế là do thiên tai, dịch bệnh đã làm thiệt hại nặng nề, sản xuất kinh doanh thua lỗ, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoặc chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh, không còn nguồn tài chính để nộp tiền thuế nợ cho NSNN.

## **2. Nhiệm vụ chi ngân sách thành phố năm 2022:**

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, các cơ quan chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chủ động điều hành ngân sách theo quy định, tăng cường các biện pháp quản lý chi ngân sách chặt chẽ trong phạm vi dự toán giao. Công tác điều hành và quản lý chi ngân sách của các đơn vị, địa phương đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra. Các nhiệm vụ chi cơ bản theo dự toán, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của thành phố. Thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát chi trong quá trình chấp hành ngân sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời, xử lý nghiêm những trường hợp chi sai, vượt chế độ và định mức quy định hiện hành.

Trong tình hình ngân sách khó khăn vẫn đảm bảo các nhiệm vụ chi quan trọng, cấp bách. Với số thu cân đối ngân sách của địa phương thực hiện được, cùng với bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh theo kế hoạch và bổ sung trong năm nên chi ngân sách địa phương năm 2022 cơ bản đã sử dụng NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết...

Dự toán chi NSNN năm 2022, Hội đồng nhân dân thành phố giao chi ngân sách thành phố là: 1.514 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách thành phố ước thực hiện năm 2022 là: 1.250 tỷ đồng đạt 82,5% dự toán thành phố giao (*Có phụ lục số 02 kèm theo*) trong đó:

#### 2.1 Chi ngân sách thành phố:

- Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 416 tỷ đồng, đạt 75% so với dự toán giao (Bao gồm thanh toán kế hoạch vốn từ nguồn chuyển nguồn, nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu).

Việc giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 8/01/2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó đã quán triệt, xác định rõ nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ rất quan trọng của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị góp phần tăng trưởng kinh tế trong điều kiện dịch bệnh Covid-19. Mặc dù đã quyết liệt triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, tuy nhiên giải ngân vốn đầu tư vẫn còn chậm (tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công là 75%). Nguyên nhân do: Một số dự án đã triển khai nhưng tiến độ thi công còn chậm nên chưa có khối lượng hoàn thành, một số dự án công tác lập, trình thẩm định và phê duyệt dự án còn chậm, một số dự án gặp vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế ..., ảnh hưởng đến công tác giải ngân vốn của các dự án. Do đó, năm 2022 thành phố thực hiện điều chuyển vốn giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn.

- Chi thường xuyên: Ước thực hiện 478 tỷ đồng, đạt 94,3% so với dự toán giao.

- Chi bổ sung ngân sách xã, phường: Thành phố chi bổ sung cho ngân sách xã, phường 36,8 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

Năm 2022, trong điều kiện rất khó khăn do dịch bệnh, vừa tập trung cao độ phòng chống dịch bệnh, vừa triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, duy trì sản xuất kinh doanh nhằm phục hồi phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an sinh xã hội. Nhìn chung điều hành chi ngân sách cơ bản được đảm bảo kịp thời mọi hoạt động của các cơ quan, đơn vị; tập trung kinh phí thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đáp ứng kịp thời kinh phí cho các hoạt động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**

### **VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Năm 2023 là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, là năm thứ hai của thời kỳ ổn định NSNN mới, nên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn 2021-2025. Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2022; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 của thành phố; Căn cứ vào dự toán ngân sách năm 2023 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố năm 2023 cụ thể như sau:

#### **I. Về thu, chi ngân sách địa phương năm 2023:**

##### **1. Thu ngân sách:**

**1.1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn:** 1.707 tỷ đồng, bằng 94% dự toán thành phố giao năm 2022, bằng 51% so với ước thực hiện năm 2022, bằng 101,1% so với dự toán tỉnh giao năm 2023. *(Chi tiết có phụ lục số 03 kèm theo)*, trong đó có các khoản thu chủ yếu sau:

- Thu doanh nghiệp nhà nước địa phương: 6 tỷ đồng, tăng 9% so với dự toán thành phố năm 2022, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thuế công thương nghiệp dịch vụ ngoài quốc doanh: 85 tỷ đồng, tăng 13% so với dự toán thành phố giao năm 2022 và bằng 116% so với ước thực hiện năm 2022.

- Lệ phí trước bạ: 157 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán thành phố giao năm 2022 và bằng 116% so với ước thực hiện năm 2022, tăng 1% so với dự toán tỉnh giao năm 2023.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 12 tỷ đồng, tăng 154% so với dự toán thành phố năm 2022 và tăng 34% so với ước thực hiện năm 2022, tăng 62% so với dự toán tỉnh giao năm 2023.

- Tiền thuê đất: 11 tỷ đồng, bằng 86% so với dự toán thành phố giao năm 2022 và bằng 82% so với ước thực hiện năm 2022, tăng 3% so với dự toán tỉnh giao năm 2023.

- Thuế thu nhập cá nhân: 95 tỷ đồng, bằng 156% so với dự toán thành phố giao năm 2022, bằng 125% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu tiền sử dụng đất: 1.300 tỷ đồng, bằng 88% so với dự toán thành phố giao năm 2022, bằng 43% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu khác: 27 tỷ đồng, tăng 104% so với dự toán thành phố giao năm 2022, tăng 42% so với ước thực hiện năm 2022, tăng 76% so với dự toán tỉnh giao năm 2023.

**1.2. Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý: 60.919 triệu đồng**

**1.3. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 168 tỷ đồng.**

*Trong đó: Thu bổ sung cân đối : 153 tỷ đồng.*

*Thu bổ sung có mục tiêu: 15 tỷ đồng.*

## **2. Chi Ngân sách:**

Trên cơ sở số thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng và số bổ sung của ngân sách cấp trên, số liệu giao chi thường xuyên năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã phường được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh cân đối ngân sách nhà nước năm 2023 khó khăn, dự toán chi NSNN năm 2023 được xây dựng trên nguyên tắc công khai, minh bạch, thực hiện tiết kiệm, đúng tính chất nguồn kinh phí, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành, chi an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ chính trị quan trọng khác...; hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài ...

Dự toán chi NSNN năm 2023 được xây dựng trên nguyên tắc công khai, minh bạch, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; trên cơ sở rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 để hoàn thành các nhiệm vụ trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Trên cơ sở số thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng và bổ sung của ngân sách cấp trên. Năm 2023 xác định quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng do ngân sách nhà nước đảm bảo và tất cả các chế độ an sinh xã hội theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bố trí chi dự phòng theo quy định để đảm bảo xử lý kịp thời các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm.

Ủy ban nhân dân thành phố dự kiến phân bổ dự toán chi ngân sách thành phố năm 2023 như sau:

Tổng chi ngân sách thành phố năm 2023 là: 960 tỷ đồng bằng 108% so với dự toán năm 2022 (Có phụ lục số 04 kèm theo).

### **2.1. Chi đầu tư phát triển:**

Tổng số nguồn chi đầu tư phát triển của thành phố là 429 tỷ đồng bằng 119% so với dự toán năm 2022, trong đó: dự toán chi từ nguồn vốn tập trung tỉnh giao: 22 tỷ đồng; từ nguồn thu quỹ đất hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 319 tỷ đồng; chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất 88 tỷ đồng. (Chi tiết tại phụ lục đầu tư công)

### **2.2. Chi thường xuyên:**

Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành, nhất là chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách cho người dân trong bối cảnh còn nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

Tổng chi 512 tỷ đồng, bằng 101% so với dự toán năm 2022, trong đó: Bổ trí chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo 256 tỷ đồng bằng dự toán tỉnh giao; Chi dự phòng bổ trí 2% tổng chi ngân sách.

**2.3. Chi bổ sung cân đối cho ngân sách các xã, phường:** 37 tỷ đồng, bằng 101% so với dự toán 2022.

Tóm lại: Năm 2023 trong điều kiện cân đối ngân sách nhà nước còn khó khăn, vì vậy các địa phương, đơn vị phải tích cực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu và tiết kiệm trong chi tiêu, tiết kiệm, đúng tính chất nguồn kinh phí, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ chính trị quan trọng...; phân đầu tăng thu ngân sách mới có thể đáp ứng được các nhiệm vụ chi. Việc điều hành ngân sách cần được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, trường hợp có biến động lớn Ủy ban nhân dân thành phố cần có các giải pháp để điều hành nhiệm vụ chi phù hợp.

### **3. Nhiệm vụ thu, chi của ngân sách xã, phường:**

Năm 2023, các khoản thu giao cho các xã phường trên cơ sở số dự toán Tỉnh giao cho thành phố. Kinh phí phân bổ cho các xã, phường trong dự toán chi theo đúng các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2022-2025 được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Đã tính đủ lương và các khoản phụ cấp theo chế độ cải cách tiền lương (mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng). Ngoài các định mức chi, các chế độ chính sách đã được tính toán và bố trí trong dự toán giao 2023.

Về chi đầu tư xây dựng cơ bản: Nguồn vốn quỹ đất được hưởng giao các xã, phường: 148 tỷ đồng.

Năm 2023, tỷ lệ điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất vẫn thực hiện theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, các địa phương bố trí vốn Đầu tư phát triển năm 2023. Tùy vào tình hình đặc điểm của địa phương, thành phố khuyến khích các địa phương tăng thu và xử lý nợ đọng thì mới bố trí đầu tư xây dựng mới các công trình cần thiết, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục theo quy định.

Để đảm bảo cân đối ngân sách, trong quá trình điều hành ngân sách các xã, phường cần căn cứ số thu tiền sử dụng đất được hưởng để thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đã bố trí phù hợp với tiến độ thu ngân sách về tiền sử dụng đất.

Chỉ tiêu chi sự nghiệp giáo dục đào tạo giao Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí dự toán 2023 cấp mình không được thấp hơn số thành phố giao. Ngân sách địa phương bố trí chi dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách.

\* Như vậy tổng thu ngân sách xã phường được hưởng là: 224 tỷ đồng, trong đó:

- Thu ngân sách trên địa bàn xã phường được hưởng theo phân cấp: 184 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 38,3 tỷ đồng.

- Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý: 1,7 tỷ đồng.

\* Tổng chi ngân sách xã phường: 224 tỷ đồng.

*(Các chỉ tiêu nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã, phường có phụ lục số 05 và phụ lục 06 kèm theo).*

## **II. Các giải pháp chủ yếu thực hiện dự toán ngân sách năm 2023.**

Tình hình kinh tế xã hội năm 2023 dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, sẽ ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, đời sống của người dân, tác động hạn chế đến sự phát triển kinh tế - xã hội và thu NSNN trên địa bàn, đồng thời nhiều nhu cầu chi, trong đó có một số chế độ Trung ương quy định nhưng địa phương phải đảm bảo kinh phí. Do đó, để hoàn thành tốt nhiệm vụ tài chính - ngân sách và giữ vững cân đối NSNN năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

### ***1. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh.***

Các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đặc biệt là tập trung chỉ

đạo triển khai thực hiện tốt các dự án trọng điểm theo đúng tiến độ góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho NSNN; phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế nắm chắc nguồn thu để thực hiện các giải pháp đồng bộ để tăng thu, nhất là các địa bàn, lĩnh vực, doanh nghiệp có nguồn thu lớn. Tập trung hỗ trợ, giải quyết kịp thời những vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn về thuế, đặc biệt là cách tiếp cận để đề ra các biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ phục vụ người nộp thuế một cách hiệu quả, thiết thực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh để tăng thu cho NSNN.

## ***2. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu và xử lý nợ đọng thuế.***

- Cơ quan thuế tập trung triển khai thực hiện các giải pháp thu hồi nợ thuế, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, hạn chế nợ phát sinh; phân loại các khoản nợ thuế để thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân thành phố để chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan thuế trong việc đôn đốc, thu hồi và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo pháp luật quy định.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch về công tác chống thất thu trong lĩnh vực: khai thác khoáng sản, xây dựng vận tải, dịch vụ du lịch, thu thuế ngoài quốc doanh, hoạt động chuyển nhượng bất động sản ... Tăng cường công tác chống thất thu thuế đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản tư nhân trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh thu từ nguồn cấp quyền sử dụng đất: Các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã phường phải xây dựng phát triển quỹ đất để tăng từ nguồn đầu giá quyền sử dụng đất ngay từ đầu năm, đề ra các giải pháp đồng bộ để chỉ đạo triển khai thực hiện tốt, trong đó: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền, đối thoại, vận động các hộ dân chấp hành quyết định thu hồi đất đảm bảo tiến độ thời gian đề ra, trước mắt tập trung giải quyết các công trình trọng điểm của tỉnh và các dự án hạ tầng kỹ thuật tạo nguồn quỹ đất trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, chuyển mục đích sử dụng đất.

## ***3. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN.***

- Chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao và luật ngân sách nhà nước, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn. Căn cứ khả năng thu ngân sách, chủ động sắp xếp, điều hành các nhiệm vụ chi và áp dụng các giải pháp phù hợp để bảo đảm cân đối ngân sách các cấp. Quản lý chặt chẽ việc phân bổ, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí trong dự toán ở ngân sách các cấp, tập trung ưu tiên xử lý các nhiệm vụ cấp thiết cho phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện công tác quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật đầu tư công, các Chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, cân đối nguồn vốn theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đầu tư, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới. Tăng cường công tác quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn NSNN, xử lý vi phạm trong công tác quyết toán dự án hoàn thành.

- Rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và thực hiện dự toán, giảm tối đa các khoản chi hội nghị, hội thảo, khánh tiết, lễ hội; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; hạn chế mua sắm trang thiết bị đắt tiền, mở rộng hình thức khoán xe ô tô đảm bảo hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

- Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời theo tiến độ các khoản kinh phí đã bố trí trong dự toán NSNN năm 2023 cho các đối tượng thụ hưởng chính sách.

#### ***4. Tăng cường công tác giải ngân vốn đầu tư công.***

Tiếp tục đôn đốc các đơn vị chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án. Đối với các dự án đã có khối lượng, yêu cầu các cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện các thủ tục cần thiết để giải ngân vốn ngay. Thành lập hội đồng kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tại các dự án đầu tư công trên địa bàn nhằm đảm bảo các dự án triển khai đúng và vượt tiến độ, đồng thời đẩy mạnh việc giải ngân vốn đầu tư công tại các dự án.

Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố khẩn trương thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định đối với các dự án điều chỉnh, khởi công mới nhằm đảm bảo các dự án đủ điều kiện triển khai ngay công tác lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án. Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan chuyên môn tập trung nguồn nhân lực, tổ chức làm thêm ngoài giờ, tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình, thủ tục, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian thẩm định để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Chỉ đạo các đơn vị chủ đầu tư phối hợp với các cơ quan chuyên môn xem xét thực hiện đồng thời một số thủ tục đầu tư (nếu đảm bảo điều kiện) nhằm đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và triển khai thực hiện dự án.

Kiên quyết điều chuyển vốn tại các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân vốn tốt hơn. Gắn trách nhiệm của các chủ đầu tư với tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn tại các dự án và xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của các cấp. Xem xét xử lý nghiêm theo quy định đối với các chủ đầu tư để chậm tiến độ giải ngân vốn dự án mà không có lý do.

Phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy nhanh công tác GPMB tại các dự án đang vướng mắc. Đẩy nhanh công tác thẩm định, phê duyệt dự án, tăng cường công tác hậu kiểm trong giải ngân vốn đầu tư công.

#### ***5. Tăng cường công tác quản lý thị trường, giá cả.***

Các phòng, ban, đơn vị kiểm tra việc chấp hành các quy định về niêm yết giá, quản lý giá, phí, lệ phí, thực hiện công tác thông tin khuyến cáo mức giá các mặt hàng thuộc danh mục bình ổn giá của nhà nước quy định; tăng cường công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

**6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.**

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai minh bạch việc sử dụng kinh phí ngân sách. Tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán và việc xử lý sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Yêu cầu hệ thống Kho bạc Nhà nước tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2022, dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố. *Đha*

**Nơi nhận:**

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Phòng Tài chính - KH TP;
- Chi cục thuế KV Đồng Hới - QN;
- Lưu VP HĐND-UBND TP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Ngọc Đan**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Phụ lục số 01

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 273/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới)

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	DT năm 2022		TH đến ngày 30/10	Ước thực hiện 2022	UTH so với (%)		
			Tỉnh giao	TP giao			Tỉnh giao	TP giao	Năm 2021
	<b>TỔNG THU</b>	<b>2.009.544</b>	<b>1.818.800</b>	<b>1.822.344</b>	<b>3.234.200</b>	<b>3.341.050</b>	<b>183,70</b>	<b>183,34</b>	<b>166,26</b>
	<i>Tr.đó: Thu trong cân đối (Trừ SD đất)</i>	<i>508.246</i>	<i>339.800</i>	<i>343.344</i>	<i>292.520</i>	<i>351.050</i>	<i>103,31</i>	<i>102,24</i>	<i>69,07</i>
1	Thu DN Trung ương	567							
2	Thu DN có vốn ĐT nước ngoài	11			3				
3	Thu DNNN địa phương	7.468	5.500	5.500	5.619	6.000	109,09	109,09	80,34
4	Thuế CTN DV NQD	82.082	73.000	75.000	58.820	73.000	100,00	97,33	88,94
5	Lệ phí trước bạ	151.682	157.000	157.000	111.207	135.000	85,99	85,99	89,00
6	Thuế SD đất phi nông nghiệp	6.540	4.800	4.853	8.628	9.200	191,67	189,57	140,67
7	Thu tiền CQKT khoáng sản	790	1.800	1.800	2.358	2.500	138,89	138,89	316,46
	<i>Trong đó: Phí BVMT</i>		<i>1.500</i>	<i>1.500</i>	<i>432</i>	<i>477</i>	<i>31,80</i>	<i>31,80</i>	
8	Thu tiền sử dụng đất	1.501.298	1.479.000	1.479.000	2.941.680	2.990.000	202,16	202,16	199,16
	- Trên địa bàn xã			486.700				0,00	
	- Trên địa bàn phường			992.300				0,00	
	- Trong đó, Chi phí hạ tầng			324.000				0,00	
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	158.600	12.500	12.931	13.205	13.500	108,00	104,40	8,51
10	Thu phí và lệ phí	8.673	8.200	9.200	8.640	15.200	185,37	165,22	175,26
11	Thuế thu nhập cá nhân	63.281	61.000	61.000	72.341	76.000	124,59	124,59	120,10
12	Thu tại xã	2.862	1.800	1.860	401	401	22,28	21,56	14,01
13	Thu khác	24.941	13.600	13.600	10.549	19.500	143,38	143,38	78,18
	- Trong đó: Thu phạt ATGT	7.293	1.900	1.900	1.939	1.966	103,47	103,47	26,96
14	Thu hồi vốn, lợi nhuận sau thuế	749	600	600	749	749	124,78	124,78	99,96

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**

Phụ lục số 02

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2022**  
(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 273/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2022	Ước thực hiện năm 2022	So sánh UTH năm 2022/DT2022
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH TP (A+B+C)</b>	1 514 720 979	1 249 744 977	82,51
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	882 789 416	769 912 546	87,21
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	358 691 000	274 274 750	76,47
1	Nguồn vốn trong nước (nguồn vốn NS tính cấp)	21 026 000	21 026 000	100,00
2	Nguồn quỹ đất	337 665 000	253 248 750	75,00
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	506 680 365	478 219 745	94,38
1	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ	107 858 284	102 799 978	95,31
2	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	234 915 765	230 217 450	98,00
3	CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ	28 511 000	28 511 000	100,00
4	SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	5 557 000	5 557 000	100,00
5	CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO	8 098 896	8 098 896	100,00
6	SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	1 662 592	1 662 592	100,00
7	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI	29 214 324	29 214 324	100,00
8	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH	51 497 932	51 497 932	100,00
9	CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỊA PHƯƠNG	7 400 314	7 400 314	100,00
10	CHI KHÁC NGÂN SÁCH	13 260 260	13 260 260	100,00
11	TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN	18 704 000		0,00
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	17 418 051	17 418 051	100,00
<b>B</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG</b>	36 863 965	36 863 965	100,00
1	Chi bổ sung cân đối	36 863 965	36 863 965	100,00
<b>C</b>	<b>CHI NGOÀI DỰ TOÁN</b>	595 067 598	442 968 466	74,44
1	Tinh bổ sung có mục tiêu	51 856 413	51 856 413	100,00
2	Chi từ nguồn chuyển nguồn 2021 sang năm 2022	543 211 185	391 112 053	72,00

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số: 273/BC-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố  
Đông Hải)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện 2022	Dự toán 2023		So sánh DT 2023		
		Tỉnh	Thành phố		Tỉnh	Thành phố	DTTP 2022	UTH 2022	DTT 2023
<b>A</b>	<b>PHẦN THU</b>								
	<b>Tổng thu NSNN (I+II)</b>	<b>2.039.064</b>	<b>2.084.907</b>	<b>3.549.084</b>	<b>1.918.402</b>	<b>1.937.415</b>	<b>93%</b>	<b>55%</b>	<b>101%</b>
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>940.114</i>	<i>1.095.871</i>	<i>834.473</i>	<i>1.071.807</i>	<i>1.185.807</i>	<b>108%</b>	<b>142%</b>	<b>111%</b>
<b>I</b>	<b>Thu tại địa bàn (1+2)</b>	<b>1.818.800</b>	<b>1.822.344</b>	<b>3.341.050</b>	<b>1.688.560</b>	<b>1.707.573</b>	<b>94%</b>	<b>51%</b>	<b>101%</b>
<b>1</b>	<b>Thu cân đối ngân sách</b>	<b>1.818.800</b>	<b>1.822.344</b>	<b>3.341.050</b>	<b>1.688.560</b>	<b>1.707.573</b>	<b>94%</b>	<b>51%</b>	<b>101%</b>
1.1	Thu DNNN ĐP	5.500	5.500	6.000	6.000	6.000	109%	100%	100%
1.2	Thu từ khu vực kinh tế NQD	73.000	75.000	73.000	85.000	85.000	113%	116%	100%
1.3	Thu thuế trước bạ	157.000	157.000	135.000	155.000	157.000	100%	116%	101%
1.4	Thuế SD đất phi NN	4.800	4.853	9.200	7.610	12.318	254%	134%	162%
1.5	Thu tiền thuê đất	12.500	12.931	13.500	10.800	11.106	86%	82%	103%
1.6	Thuế thu nhập cá nhân	61.000	61.000	76.000	95.000	95.000	156%	125%	100%
1.7	Thu phí, lệ phí	8.200	9.200	15.200	9.400	9.400	102%	62%	100%
1.8	Thu tiền sử dụng đất	1.479.000	1.479.000	2.990.000	1.300.000	1.300.000	88%	43%	100%
1.9	Thu hoa lợi công sản khác	1.800	1.860	401	950	950	51%	237%	100%
1.10	Thu khác TP	13.600	13.600	19.500	15.700	27.700	204%	142%	176%
	<i>Trong đó: Thu xử phạt ATGT</i>	<i>1.900</i>	<i>1.900</i>	<i>1.966</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	105%	102%	100%
1.11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1.800	1.800	2.500	2.500	2.500	139%	100%	100%
1.12	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	600	600	749	600	600	100%	80%	100%
<b>II</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>186.034</b>	<b>186.034</b>	<b>186.034</b>	<b>168.923</b>	<b>168.923</b>	<b>91%</b>	<b>91%</b>	<b>100%</b>
1	Bổ sung cân đối	178.827	178.827	178.827	153.759	153.759	86%	86%	100%
2	Bổ sung có mục tiêu từ NS Tỉnh	7.207	7.207	7.207	15.164	15.164	<b>210%</b>	<b>210%</b>	<b>100%</b>
<b>III</b>	<b>Thu điều tiết từ các khoản do tính quản lý</b>	<b>34.230</b>	<b>34.230</b>	<b>22.000</b>	<b>60.919</b>	<b>60.919</b>			<b>100%</b>
<b>IV</b>	<b>KP thực hiện CCTL</b>		<b>41.714</b>				<b>0%</b>		
<b>V</b>	<b>KP từ nguồn hoàn trả CCTL theo KL của Kiểm toán NN</b>		<b>585</b>						
	<b>PHẦN CHI</b>								
	<b>TỔNG CHI NSDP (A+B)</b>	<b>940.114</b>	<b>1.095.871</b>	<b>818.111</b>	<b>1.071.807</b>	<b>1.185.807</b>	<b>108%</b>	<b>145%</b>	<b>111%</b>
<b>A</b>	<b>Tổng chi cân đối (I+II+III+IV+V)</b>	<b>932.906</b>	<b>1.090.693</b>	<b>812.933</b>	<b>1.056.643</b>	<b>1.184.463</b>	<b>109%</b>	<b>146%</b>	<b>112%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>409.226</b>	<b>519.356</b>	<b>317.295</b>	<b>482.904</b>	<b>578.044</b>	<b>111%</b>	<b>182%</b>	<b>120%</b>
<b>1</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản</b>	<b>409.226</b>	<b>519.356</b>	<b>317.295</b>	<b>482.904</b>	<b>578.044</b>	<b>111%</b>	<b>182%</b>	<b>120%</b>

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2022		Ước thực hiện 2022	Dự toán 2023		So sánh DT 2023		
		Tỉnh	Thành phố		Tỉnh	Thành phố	DTTP 2022	ƯTH 2022	DTT 2023
1.1	Vốn tập trung trong nước	21.026	21.026	21.026	22.099	22.099	105%	105%	100%
1.2	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	388.200	498.330	253.249	460.805	467.900	94%	185%	102%
1.3	CP đầu tư hạ tầng			43.020		88.045			
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>505.022</b>	<b>552.679</b>	<b>478.220</b>	<b>534.966</b>	<b>581.179</b>	<b>105%</b>	<b>122%</b>	<b>109%</b>
1	Chi SN kinh tế								
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	227.758	235.141	230.217	251.098	256.498			
3	Chi SN Y tế,								
4	Chi SN Văn hóa-TT								
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình								
7	Chi đảm bảo xã hội								
8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể								
9	Chi ANQP địa phương								
10	Chi khác ngân sách								
11	Chi hoạt động môi trường								
12	Nguồn dự phòng kinh phí thực hiện các chế độ tăng thêm								
<b>III</b>	<b>Chi dự phòng ngân sách</b>	<b>18.658</b>	<b>18.658</b>	<b>17.418</b>	<b>20.773</b>	<b>23.087</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi mục tiêu từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</b>				<b>18.000</b>				
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương</b>					<b>2.154</b>			
<b>B</b>	<b>Chi chương trình mục tiêu</b>	<b>7.208</b>	<b>5.178</b>	<b>5.178</b>	<b>15.164</b>	<b>1.344</b>			

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 273/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	DỰ TOÁN NĂM 2023	So sánh DT2023/2022
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH TP</b>	<b>882 789 418</b>	<b>960 924 715</b>	<b>108,85</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>882 789 418</b>	<b>960 924 715</b>	<b>108,85</b>
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>358 691 000</b>	<b>429 194 000</b>	<b>119,66</b>
1	Nguồn vốn trong nước (nguồn vốn NS tỉnh cấp)	21 026 000	22 099 000	105,10
2	Nguồn quỹ đất	337 665 000	319 050 000	94,49
3	Chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất		88 045 000	
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>506 680 367</b>	<b>512 984 715</b>	<b>101,24</b>
<b>1</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ</b>	<b>107 858 284</b>	<b>101 190 394</b>	<b>93,82</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí	1 975 000	1 975 000	100,00
1.2	Thủy lợi, nông nghiệp	400 000	400 000	100,00
1.3	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa	1 048 000	1 048 000	100,00
1.4	Hỗ trợ phát triển sản xuất	2 200 000		0,00
1.5	Kinh phí xây dựng các mô hình và tập huấn đào tạo chuyển giao KHKT nông nghiệp	200 000	200 000	100,00
1.6	Kinh phí thực hiện đề án đào tạo nghề cho du lịch	350 000	350 000	100,00
1.7	KP học tập kinh nghiệm	1 000 000	1 000 000	100,00
1.8	Mua sắm, sửa chữa tài sản	1 500 000	1 300 000	86,67
1.9	Kinh phí quy hoạch	193 635	300 000	154,93
1.10	Chi lương và công việc Trung tâm DVNN và phụ cấp khuyến nông viên	1 047 840	1 161 412	110,84
1.11	Ban quản lý rừng phòng hộ	926 885		0,00
1.12	Sự nghiệp lâm nghiệp	250 000	250 000	100,00
1.13	Đô thị loại 2	74 766 924	72 205 983	96,57
1.13.1	Kinh phí dịch vụ đô thị (bao gồm 750tr chi phí phục vụ công tác quản lý, giám sát dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố)	60 000 000	60 000 000	100,00
1.13.2	Kinh phí khác	9 458 069	6 600 000	69,78
1.13.3	Các hoạt động sự nghiệp giao thông, xây dựng	400 000	400 000	100,00
1.13.4	BQL dịch vụ công ích thành phố	1 455 691	1 360 788	93,48
1.13.5	Đội quy tắc đô thị	3 453 164	3 845 194	111,35
1.14	Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh	6 000 000		
1.15	Kinh phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	16 000 000	18 000 000	112,50
1.16	Kinh phí phục vụ các hoạt động tại Quảng trường Hồ Chí Minh		3 000 000	
<b>2</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO</b>	<b>234 915 765</b>	<b>256 048 000</b>	<b>109,00</b>
	Trong đó: - Kinh phí Thi đua khen thưởng	1 000 000	2 000 000	200,00
	- KP đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức của Trung tâm BDCT	1 444 015	1 383 720	95,82
	- Trung tâm giáo dục - dạy nghề thành phố	3 342 354	3 389 343	101,41
<b>3</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP Y TẾ</b>	<b>28 511 000</b>	<b>26 666 100</b>	<b>93,53</b>
<b>4</b>	<b>SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>	<b>5 557 000</b>	<b>12 577 000</b>	<b>226,33</b>
4.1	Kinh phí xử lý môi trường	5 307 000	5 307 000	100,00
4.2	Kinh phí trồng và chăm sóc cây xanh		6 000 000	

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	DỰ TOÁN NĂM 2023	So sánh DT2023/2022
4.3	Sự nghiệp tài nguyên môi trường	250 000	1 270 000	508,00
5	<b>CHI SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN, THỂ DỤC THỂ THAO, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH</b>	<b>8 098 896</b>	<b>9 131 579</b>	<b>112,75</b>
5.1	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông	1 398 896	3 181 579	227,43
5.2	Tổ chức các ngày lễ	2 500 000	2 500 000	100,00
5.3	Tổ chức tuần văn hóa du lịch	3 000 000	3 000 000	100,00
5.4	Kinh phí đại hội thể dục thể thao	700 000		0,00
5.5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết văn minh đô thị	500 000	450 000	90,00
6	<b>CHI SỰ NGHIỆP PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH</b>	<b>1 662 592</b>		<b>0,00</b>
6.1	Đài truyền thanh - truyền hình	1 662 592		
7	<b>CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI</b>	<b>29 214 324</b>	<b>33 249 461</b>	<b>113,81</b>
8	<b>CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH</b>	<b>51 497 932</b>	<b>52 635 562</b>	<b>102,21</b>
8.1	Chi hoạt động của Cơ quan Đảng	13 369 061	13 934 111	104,23
8.1.1	Thành úy: Chi lương + hoạt động	10 767 135	11 094 185	103,04
8.1.2	Thành úy: Kinh phí thực hiện chế độ theo QĐ 1871	2 601 926	2 839 926	109,15
8.2	Chi quản lý Nhà nước	29 673 743	30 296 158	102,10
8.2.1	Lương và chi hoạt động	26 245 743	28 156 958	107,28
8.2.2	Chi công tác cải cách hành chính	619 200	655 200	105,81
-	Kinh phí hoạt động trang WEB và Trung tâm một cửa liên thông	569 200	605 200	106,32
-	KP rà soát hệ thống văn bản QPPL và kiểm soát TTHC	50 000	50 000	100,00
8.2.3	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	110 000	110 000	100,00
8.2.4	Công tác tài chính thành phố	110 000	110 000	100,00
8.2.5	Công tác thanh tra thành phố + trang cấp đồng phục thanh tra	110 000	110 000	100,00
8.2.6	Công tác tiếp công dân	148 800	144 000	96,77
8.2.7	Thi đua khen thưởng	2 000 000	1 000 000	50,00
8.2.8	Kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ	320 000		0,00
8.2.9	Chi công tác chỉ đạo điều hành CCHC (BCĐ CCHC)	10 000	10 000	100,00
8.3	Hỗ trợ hội đoàn thể	6 965 128	6 610 294	94,91
8.3.1	Lương và chi hoạt động	6 965 128	6 610 294	94,91
8.4	Các ban chỉ đạo	790 000	790 000	100,00
8.5	Kinh phí đại hội các hội đoàn thể	700 000	600 000	85,71
8.6	Kinh phí ứng dụng phần mềm ngành tài chính		405 000	
9	<b>CHI QUỐC PHÒNG, AN NINH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>7 400 314</b>	<b>7 540 303</b>	<b>101,89</b>
9.1	Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	600 000	600 000	100,00
9.2	KP phục vụ công tác cấp căn cước công dân và đăng ký quản lý cư trú	100 000	100 000	100,00
9.3	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phòng tiếp dân, trực ban và phương tiện phục vụ tác chiến	250 000	250 000	100,00
9.4	Kinh phí thực hiện đề án 06		100 000	
9.5	Chi an toàn giao thông	380 000	380 000	100,00
9.6	Chi quốc phòng	4 439 616	4 458 875	100,43
9.7	Đại đội pháo 37mm	1 530 698	1 551 428	101,35
9.8	Hỗ trợ KP hoạt động Đồn biên phòng Nhật Lệ	100 000	100 000	100,00
10	<b>CHI KHÁC NGÂN SÁCH</b>	<b>13 260 260</b>	<b>13 946 316</b>	<b>105,17</b>

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	DỰ TOÁN NĂM 2023	So sánh DT2023/2022
10.1	Đoàn ra đoàn vào	2 000 000	2 000 000	100,00
10.2	Xét xử lưu động, hoạt động của đoàn hội thẩm nhân dân và hoạt động thi hành án dân sự	270 000	270 000	100,00
10.3	Thống kê (xây dựng niêm giám thống kê)	56 984	250 000	438,72
10.4	Vốn ủy thác cho Ngân hàng CSXH cho vay	2 000 000	2 600 000	130,00
10.5	KP KSK cán bộ (Bệnh viện đa khoa TP)	460 000	460 000	100,00
10.6	Hỗ trợ công đoàn thành phố (liên đoàn lao động)	57 472	57 898	100,74
10.7	Chi khác	3 065 804	2 958 418	96,50
10.8	Chi hỗ trợ khác	2 850 000	2 850 000	100,00
10.9	Các hoạt động đón năm mới	1 500 000	1 500 000	100,00
10.10	KP làm việc với các sở, ban ngành	1 000 000	1 000 000	100,00
11	<b>TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>18 704 000</b>		<b>0,00</b>
<b>III</b>	<b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH</b>	<b>17 418 051</b>	<b>18 745 999</b>	<b>107,62</b>
<b>B</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG</b>	<b>36 863 965</b>	<b>37 567 914</b>	<b>101,91</b>
1	Chi bổ sung cân đối	36 863 965	37 567 914	101,91

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số 273 /BC-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2022 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Tổng số		P. Nam Lý		P. Bắc Lý		P. Đồng Sơn		P. Đồng Phú	
		DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023
I	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>1.544.989</b>	<b>1.381.176</b>	<b>61.733</b>	<b>69.279</b>	<b>109.723</b>	<b>215.466</b>	<b>15.702</b>	<b>12.152</b>	<b>203.544</b>	<b>82.057</b>
	<i>N.sách địa phương được hưởng</i>	<i>187.257</i>	<i>184.236</i>	<i>8.873</i>	<i>9.873</i>	<i>12.710</i>	<i>23.532</i>	<i>2.029</i>	<i>1.781</i>	<i>16.651</i>	<i>11.605</i>
1	Thuế CTN & NQD	11.876	14.885	2.734	2.793	1.091	1.484	203	497	1.912	2.472
2	Thuế thu nhập cá nhân	6.244	6.587	1.384	1.277	569	578	98	180	1.120	1.057
3	Lệ phí trước bạ	25.463	31.002	2.182	2.182	2.973	3.800	700	880	2.544	4.200
4	Thuế sử dụng đất phi NN	4.853	12.318	855	1.800	665	1.305	235	325	928	1.857
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	1.479.000	1.300.000	53.000	60.000	103.000	207.000	14.300	10.100	195.000	70.000
	<i>Trong đó:</i> <i>Thu cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>1.155.000</i>	<i>1.071.500</i>	<i>53.000</i>	<i>60.000</i>	<i>103.000</i>	<i>203.000</i>	<i>14.300</i>	<i>9.100</i>	<i>135.000</i>	<i>70.000</i>
	<i>Ghi thu ghi chi chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất</i>	<i>324.000</i>	<i>228.500</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>4.000</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>	<i>60.000</i>	<i>0</i>
6	Thu tiền thuê đất	12.931	11.106	781	768	997	902	37	36	1.441	1.783
7	Thu phí và lệ phí	2.541	2.560	397	409	228	248	110	134	299	337
	<i>T. đó: -Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>295</i>	<i>100</i>	<i>7</i>		<i>0</i>		<i>0</i>		<i>0</i>	
8	Thu tại xã	1.860	1.550	400	50	200	150	20	0	300	350
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	222	1.169								
II	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý (Tiền thuê đất)</b>	<b>0</b>	<b>1.734</b>	<b>0</b>	<b>377</b>	<b>0</b>	<b>355</b>	<b>0</b>	<b>29</b>	<b>0</b>	<b>80</b>

T T	Chỉ tiêu	P. Hải Thành		P. Phú Hải		P. Đồng Hải		X. Đức Ninh		X. Nghĩa Ninh		X. Lộc Ninh	
		DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023
I	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>48.648</b>	<b>33.219</b>	<b>189.700</b>	<b>308.553</b>	<b>28.227</b>	<b>80.555</b>	<b>142.666</b>	<b>88.701</b>	<b>10.648</b>	<b>16.001</b>	<b>59.493</b>	<b>89.272</b>
	<i>N.sách địa phương được hưởng</i>	<i>5.273</i>	<i>3.673</i>	<i>8.149</i>	<i>15.055</i>	<i>5.125</i>	<i>8.468</i>	<i>43.739</i>	<i>25.167</i>	<i>3.343</i>	<i>5.074</i>	<i>18.604</i>	<i>27.907</i>
1	Thuế CTN & NQD	164	398	428	568	3.227	3.212	263	302	32	126	602	580
2	Thuế thu nhập cá nhân	81	161	223	269	1.665	1.586	132	124	19	50	298	293
3	Lệ phí trước bạ	558	550	1.897	3.000	798	1.900	2.000	1.850	300	490	1.170	1.205
4	Thuế sử dụng đất phi NN	265	320	208	535	581	1.900	87	200	15	146	284	570
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	46.000	30.000	185.000	302.900	20.000	70.000	140.000	86.000	10.000	15.000	56.000	85.000
	<i>Trong đó:</i> <i>Thu cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>46.000</i>	<i>29.000</i>	<i>70.000</i>	<i>132.900</i>	<i>20.000</i>	<i>40.000</i>	<i>140.000</i>	<i>78.000</i>	<i>10.000</i>	<i>15.000</i>	<i>56.000</i>	<i>85.000</i>
	<i>Ghi thu ghi chi chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>	<i>115.000</i>	<i>170.000</i>	<i>0</i>	<i>30.000</i>	<i>0</i>	<i>8.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
6	Thu tiền thuê đất	1.415	1.693	1.833	1.154	1.269	1.144	58	58	162	133	558	219
7	Thu phí và lệ phí	65	76	61	77	487	513	76	87	90	46	259	136
	<i>T. đó: -Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>0</i>		<i>0</i>		<i>0</i>		<i>0</i>		<i>44</i>		<i>111</i>	
8	Thu tại xã	100	20	50	50	200	300	50	80	30	10	100	100
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản											222	1.169
II	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý (Tiền thuê đất)</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	<b>0</b>	<b>142</b>	<b>0</b>	<b>178</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>94</b>

T T	Chỉ tiêu	X. Thuận Đức		X. Bảo Ninh		X. Quang Phú		P. Bắc Nghĩa		P. Đức Ninh Đông	
		DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023
I	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>10.965</b>	<b>9.964</b>	<b>224.144</b>	<b>57.531</b>	<b>57.124</b>	<b>42.465</b>	<b>151.870</b>	<b>87.696</b>	<b>230.803</b>	<b>188.266</b>
	<i>N.sách địa phương được hưởng</i>	<i>3.393</i>	<i>3.079</i>	<i>13.414</i>	<i>8.919</i>	<i>17.178</i>	<i>11.680</i>	<i>11.977</i>	<i>9.664</i>	<i>16.799</i>	<i>18.760</i>
1	Thuế CTN & NQD	159	772	293	576	183	287	385	573	200	244
2	Thuế thu nhập cá nhân	77	365	131	173	86	110	203	222	158	142
3	Lệ phí trước bạ	560	660	5.669	6.500	516	485	1.400	1.800	2.196	1.500
4	Thuế sử dụng đất phi NN	76	150	108	1.750	89	350	241	410	216	720
5	Thu cấp quyền sử dụng đất	9.000	7.000	216.700	48.000	55.000	40.000	149.000	84.000	227.000	185.000
	<i>Trong đó:</i> <i>Thu cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>9.000</i>	<i>6.500</i>	<i>176.700</i>	<i>48.000</i>	<i>55.000</i>	<i>36.000</i>	<i>110.000</i>	<i>84.000</i>	<i>157.000</i>	<i>175.000</i>
	<i>Ghi thu ghi chi chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất</i>	<i>0</i>	<i>500</i>	<i>40.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>4.000</i>	<i>39.000</i>	<i>0</i>	<i>70.000</i>	<i>10.000</i>
6	Thu tiền thuê đất	974	952	864	27	1.157	1.157	473	560	912	520
7	Thu phí và lệ phí	69	64	179	205	33	37	98	101	91	89
	<i>T. đó: -Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản</i>	<i>17</i>		<i>100</i>	<i>100</i>	<i>0</i>		<i>0</i>		<i>16</i>	
8	Thu tại xã	50	0	200	300	60	60	70	30	30	50
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản										
II	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý (Tiền thuê đất)</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>244</b>	<b>0</b>	<b>102</b>	<b>0</b>	<b>21</b>	<b>0</b>	<b>39</b>

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC XÃ, PHƯỜNG NĂM 2023

(Phụ lục kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số		P. Nam Lý		P. Bắc Lý		P. Đồng Sơn		P. Đồng Phú		P. Hải Thành	
		DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>1.544.989</b>	<b>1.381.176</b>	<b>61.733</b>	<b>69.279</b>	<b>109.723</b>	<b>215.466</b>	<b>15.702</b>	<b>12.152</b>	<b>203.544</b>	<b>82.057</b>	<b>48.648</b>	<b>33.219</b>
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	224.121	224.883	10.061	11.715	15.613	26.670	7.334	6.771	18.228	12.055	8.539	7.187
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP trên địa bàn</b>	<b>1.544.989</b>	<b>1.381.176</b>	<b>61.733</b>	<b>69.279</b>	<b>109.723</b>	<b>215.466</b>	<b>15.702</b>	<b>12.152</b>	<b>203.544</b>	<b>82.057</b>	<b>48.648</b>	<b>33.219</b>
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	187.257	184.236	8.873	9.873	12.710	23.532	2.029	1.781	16.651	11.605	5.273	3.673
1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	1.479.000	1.300.000	53.000	60.000	103.000	207.000	14.300	10.100	195.000	70.000	46.000	30.000
	<i>Trong đó NSDP hưởng</i>	160.665	148.850	5.300	6.000	10.300	20.300	1.430	910	13.500	7.000	4.600	2.900
2	Các khoản thu cân đối còn lại	65.989	81.176	8.733	9.279	6.723	8.466	1.402	2.052	8.544	12.057	2.648	3.219
	<i>Trong đó NSDP hưởng</i>	26.592	35.386	3.573	3.873	2.410	3.232	599	871	3.151	4.605	673	773
<b>II</b>	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý</b>	<b>0</b>	<b>1.734</b>		<b>377</b>		<b>355</b>		<b>29</b>		<b>80</b>		<b>50</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ N.sách cấp trên</b>	<b>36.864</b>	<b>38.912</b>	<b>1.188</b>	<b>1.466</b>	<b>2.903</b>	<b>2.783</b>	<b>5.306</b>	<b>4.961</b>	<b>1.577</b>	<b>369</b>	<b>3.267</b>	<b>3.465</b>
1	Bổ sung cân đối	36.864	37.568	1.188	1.446	2.903	2.763	5.306	4.097	1.577	349	3.267	3.345
2	Bổ sung có mục tiêu	0	1.344		20	-	20	-	864	-	20	-	120
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSNN</b>	<b>229.081</b>	<b>224.883</b>	<b>10.544</b>	<b>11.715</b>	<b>15.838</b>	<b>26.670</b>	<b>7.398</b>	<b>6.771</b>	<b>18.267</b>	<b>12.055</b>	<b>8.603</b>	<b>7.187</b>
<b>I</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản</b>	<b>160.665</b>	<b>148.850</b>	<b>5.300</b>	<b>6.000</b>	<b>10.300</b>	<b>20.300</b>	<b>1.430</b>	<b>910</b>	<b>13.500</b>	<b>7.000</b>	<b>4.600</b>	<b>2.900</b>
1	Vốn tập trung trong nước												
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	160.665	148.850	5.300	6.000	10.300	20.300	1.430	910	13.500	7.000	4.600	2.900
-	<i>Vốn từ cấp quyền sử dụng đất</i>	160.665	148.850	5.300	6.000	10.300	20.300	1.430	910	13.500	7.000	4.600	2.900
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>61.997</b>	<b>68.194</b>	<b>4.844</b>	<b>5.466</b>	<b>5.138</b>	<b>5.827</b>	<b>4.531</b>	<b>4.881</b>	<b>4.265</b>	<b>4.799</b>	<b>3.718</b>	<b>4.029</b>
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo</i>	225	450	15	30	15	30	15	30	15	30	15	30
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>1.240</b>	<b>4.341</b>	<b>97</b>	<b>229</b>	<b>103</b>	<b>523</b>	<b>91</b>	<b>116</b>	<b>85</b>	<b>236</b>	<b>74</b>	<b>139</b>
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>4.867</b>	<b>1.344</b>	<b>302</b>	<b>20</b>	<b>296</b>	<b>20</b>	<b>1.346</b>	<b>864</b>	<b>416</b>	<b>20</b>	<b>210</b>	<b>120</b>
1	Hỗ trợ kinh phí duy trì phổ đi bộ		200										100
2	Hỗ trợ KP hoà giải ở cơ sở theo NQ 106/2015/NQ-HĐND tỉnh		300		20		20		20		20		20
3	Hỗ trợ bồi thường bản án của Toà án nhân dân tỉnh cho Cty TNHH dịch vụ Thủy sản Nhật Lệ		694						694				
4	Hỗ trợ kinh phí quản lý, vận hành Sân vận động thành phố Đồng Hới		120						120				
5	KP bảo vệ Nghĩa trang Liệt sỹ Đồng Sơn		30						30				
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu NSDP</b>	<b>312</b>	<b>2.154</b>										

STT	Chi tiêu	P. Phú Hải		P. Đông Hải		X. Đức Ninh		X. Nghĩa Ninh		X. Lộc Ninh	
		DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>189.700</b>	<b>308.553</b>	<b>28.227</b>	<b>80.555</b>	<b>142.666</b>	<b>88.701</b>	<b>10.648</b>	<b>16.001</b>	<b>59.493</b>	<b>89.272</b>
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>10.212</i>	<i>17.279</i>	<i>7.099</i>	<i>9.335</i>	<i>46.364</i>	<i>28.689</i>	<i>6.980</i>	<i>8.726</i>	<i>21.766</i>	<i>31.143</i>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP trên địa bàn</b>	<b>189.700</b>	<b>308.553</b>	<b>28.227</b>	<b>80.555</b>	<b>142.666</b>	<b>88.701</b>	<b>10.648</b>	<b>16.001</b>	<b>59.493</b>	<b>89.272</b>
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>8.149</i>	<i>15.055</i>	<i>5.125</i>	<i>8.468</i>	<i>43.739</i>	<i>25.167</i>	<i>3.343</i>	<i>5.074</i>	<i>18.604</i>	<i>27.907</i>
1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	185.000	302.900	20.000	70.000	140.000	86.000	10.000	15.000	56.000	85.000
	<i>Trong đó NSDP hưởng</i>	<i>7.000</i>	<i>13.290</i>	<i>2.000</i>	<i>4.000</i>	<i>42.000</i>	<i>23.400</i>	<i>3.000</i>	<i>4.500</i>	<i>16.800</i>	<i>25.500</i>
2	Các khoản thu cân đối còn lại	4.700	5.653	8.227	10.555	2.666	2.701	648	1.001	3.493	4.272
	<i>Trong đó NSDP hưởng</i>	<i>1.149</i>	<i>1.765</i>	<i>3.125</i>	<i>4.468</i>	<i>1.739</i>	<i>1.767</i>	<i>343</i>	<i>574</i>	<i>1.804</i>	<i>2.407</i>
<b>II</b>	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý</b>		<b>142</b>		<b>178</b>		<b>7</b>		<b>14</b>		<b>94</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ N.sách cấp trên</b>	<b>2.063</b>	<b>2.082</b>	<b>1.974</b>	<b>689</b>	<b>2.625</b>	<b>3.515</b>	<b>3.637</b>	<b>3.638</b>	<b>3.162</b>	<b>3.143</b>
1	Bộ sung cân đối	2.063	2.062	1.974	569	2.625	3.495	3.637	3.618	3.162	3.123
2	Bộ sung có mục tiêu	-	20	-	120	-	20	-	20	-	20
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSNN</b>	<b>10.595</b>	<b>17.279</b>	<b>7.196</b>	<b>9.335</b>	<b>46.624</b>	<b>28.689</b>	<b>7.039</b>	<b>8.726</b>	<b>21.766</b>	<b>31.143</b>
<b>I</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản</b>	<b>7.000</b>	<b>13.290</b>	<b>2.000</b>	<b>4.000</b>	<b>42.000</b>	<b>23.400</b>	<b>3.000</b>	<b>4.500</b>	<b>16.800</b>	<b>25.500</b>
1	Vốn tập trung trong nước										
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	7.000	13.290	2.000	4.000	42.000	23.400	3.000	4.500	16.800	25.500
-	<i>Vốn từ cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>7.000</i>	<i>13.290</i>	<i>2.000</i>	<i>4.000</i>	<i>42.000</i>	<i>23.400</i>	<i>3.000</i>	<i>4.500</i>	<i>16.800</i>	<i>25.500</i>
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>3.313</b>	<b>3.631</b>	<b>4.809</b>	<b>5.035</b>	<b>4.280</b>	<b>4.707</b>	<b>3.753</b>	<b>4.035</b>	<b>4.627</b>	<b>5.013</b>
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo</i>	<i>15</i>	<i>30</i>	<i>15</i>	<i>30</i>	<i>15</i>	<i>30</i>	<i>15</i>	<i>30</i>	<i>15</i>	<i>30</i>
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>66</b>	<b>338</b>	<b>96</b>	<b>181</b>	<b>86</b>	<b>562</b>	<b>75</b>	<b>171</b>	<b>93</b>	<b>610</b>
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>216</b>	<b>20</b>	<b>291</b>	<b>120</b>	<b>258</b>	<b>20</b>	<b>210</b>	<b>20</b>	<b>246</b>	<b>20</b>
1	Hỗ trợ kinh phí duy trì phổ đi bộ				100						
2	Hỗ trợ KP hoà giải ở cơ sở theo NQ 106/2015/NQ-HĐND tỉnh		20		20		20		20		20
3	Hỗ trợ bồi thường bản án của Toá án nhân dân tỉnh cho Cty TNHH dịch vụ Thủy sản Nhật Lệ										
4	Hỗ trợ kinh phí quản lý, vận hành Sân vận động thành phố Đông Hải										
5	KP bảo vệ Nghĩa trang Liệt sỹ Đông Sơn										
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu NSDP</b>										

STT	Chỉ tiêu	X. Thuận Đức		X. Bảo Ninh		X. Quang Phú		P. Bắc Nghĩa		P. Đức Ninh Đông	
		DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023	DT 2022	DT 2023
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>10.965</b>	<b>9.964</b>	<b>224.144</b>	<b>57.531</b>	<b>57.124</b>	<b>42.465</b>	<b>151.870</b>	<b>87.696</b>	<b>230.803</b>	<b>188.266</b>
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	6.222	5.912	13.414	9.183	17.178	14.680	15.362	13.412	19.748	22.125
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP trên địa bàn</b>	<b>10.965</b>	<b>9.964</b>	<b>224.144</b>	<b>57.531</b>	<b>57.124</b>	<b>42.465</b>	<b>151.870</b>	<b>87.696</b>	<b>230.803</b>	<b>188.266</b>
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	3.393	3.079	13.414	8.919	17.178	11.680	11.977	9.664	16.799	18.760
1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	9.000	7.000	216.700	48.000	55.000	40.000	149.000	84.000	227.000	185.000
	<i>Trong đó NSDP hưởng</i>	2.700	1.950	8.835	2.400	16.500	10.800	11.000	8.400	15.700	17.500
2	Các khoản thu cân đối còn lại	1.965	2.964	7.444	9.531	2.124	2.465	2.870	3.696	3.803	3.266
	<i>Trong đó NSDP hưởng</i>	693	1.129	4.579	6.519	678	880	977	1.264	1.099	1.260
<b>II</b>	<b>Thu điều tiết từ các khoản thu do Tỉnh quản lý</b>		2		244		102		21		39
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ N.sách cấp trên</b>	<b>2.829</b>	<b>2.832</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>2.898</b>	<b>3.385</b>	<b>3.726</b>	<b>2.949</b>	<b>3.326</b>
1	Bổ sung cân đối	2.829	2.812	-	-	-	2.878	3.385	3.706	2.949	3.306
2	Bổ sung có mục tiêu	-	20	-	20	-	20	-	20	-	20
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSNN</b>	<b>6.423</b>	<b>5.912</b>	<b>13.414</b>	<b>9.183</b>	<b>20.036</b>	<b>14.680</b>	<b>15.590</b>	<b>13.412</b>	<b>19.748</b>	<b>22.125</b>
<b>I</b>	<b>Chi xây dựng cơ bản</b>	<b>2.700</b>	<b>1.950</b>	<b>8.835</b>	<b>2.400</b>	<b>16.500</b>	<b>10.800</b>	<b>11.000</b>	<b>8.400</b>	<b>15.700</b>	<b>17.500</b>
1	Vốn tập trung trong nước										
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	2.700	1.950	8.835	2.400	16.500	10.800	11.000	8.400	15.700	17.500
-	<i>Vốn từ cấp quyền sử dụng đất</i>	2.700	1.950	8.835	2.400	16.500	10.800	11.000	8.400	15.700	17.500
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>3.446</b>	<b>3.827</b>	<b>3.965</b>	<b>4.472</b>	<b>3.280</b>	<b>3.573</b>	<b>4.258</b>	<b>4.729</b>	<b>3.768</b>	<b>4.172</b>
	<i>Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo</i>	15	30	15	30	15	30	15	30	15	30
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>69</b>	<b>116</b>	<b>79</b>	<b>137</b>	<b>66</b>	<b>287</b>	<b>85</b>	<b>263</b>	<b>75</b>	<b>433</b>
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>208</b>	<b>20</b>	<b>222</b>	<b>20</b>	<b>190</b>	<b>20</b>	<b>246</b>	<b>20</b>	<b>204</b>	<b>20</b>
1	Hỗ trợ kinh phí duy trì phổ đi bộ										
2	Hỗ trợ KP hoà giải ở cơ sở theo NQ 106/2015/NQ-HĐND tỉnh		20		20		20		20		20
3	Hỗ trợ bồi thường bản án của Toá án nhân dân tỉnh cho Cty TNHH dịch vụ Thủy sản Nhật Lệ										
4	Hỗ trợ kinh phí quản lý, vận hành Sân vận động thành phố Đồng Hới										
5	KP bảo vệ Nghĩa trang Liệt sỹ Đồng Sơn										
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn tăng thu NSDP</b>			<b>312</b>	<b>2.154</b>						